

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2026
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Sơn Thị Vành Đa

Ông Sơn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 321/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/01/1987. Nơi cư trú: ấp M, xã N, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số 086187004653.

- Bị đơn: Anh Tô Minh T, sinh ngày 01/01/1988. Nơi cư trú: ấp T, xã M, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Căn cước công dân số 094088003052.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 05 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thái Thị Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Hồng H và anh Tô Minh T cưới nhau và chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã N, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 20/02/2012.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian khoảng 8 năm nay thì chị H và anh T không còn chung sống với nhau nữa vì có quá nhiều bất đồng trong quan điểm sống, chị H và anh T cũng ly thân từ thời gian đó đến nay.

Hiện nay, chị H và anh T không còn tình cảm nên không thể nào tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa nên chị H quyết định ly hôn giải thoát cho cả hai.

Chị Thái Thị Hồng H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Hồng H yêu cầu được ly hôn với anh Tô Minh T.

Về con chung: Chị Thái Thị Hồng H và anh Tô Minh T có với nhau hai người con chung là cháu Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và cháu Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng chị H, khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thái Thị Hồng H yêu cầu anh Tô Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng đối với mỗi con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 218/TB-TLVA ngày 25 tháng 5 năm 2026 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Tô Minh T, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do và chị H có yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh T trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị Thái Thị Hồng H và anh Tô Minh T có hai người con chung là cháu Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và cháu Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016. Hiện nay, cháu H1 và cháu G đang sống chung với chị H và chị H có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1, cháu G đến tuổi thành niên

và cháu H1, cháu G cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và cháu Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016 cho chị Thái Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh Tô Minh T mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Tô Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Căn cứ vào quy định trên thì chị H là người đang trực tiếp nuôi các con chung tên Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và cháu Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016 nên chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thái Thị Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Thái Thị Hồng H có đơn yêu cầu ly hôn và anh Tô Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị H và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Thái Thị Hồng H khởi kiện thì anh Tô Minh T; cư trú tại ấp T, xã M, thành phố Cần Thơ. Chị Thái Thị Hồng H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Tô Minh T và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con. Chị Thái Thị Hồng H đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị Thái Thị Hồng H nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị Thái Thị Hồng H đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý đơn khởi kiện của chị Thái Thị Hồng H là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Thái Thị Hồng H và bị đơn anh Tô Minh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai. Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Thái Thị Hồng H và anh Tô Minh T.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Hồng H, sinh ngày 01/01/1987 và anh Tô Minh T, sinh ngày 01/01/1988 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04/2012, quyền số 01/2012, ngày 20 tháng 02 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Thái Thị Hồng H và anh Tô Minh T là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Thái Thị Hồng H, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị H và anh T hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Chị H và anh T không còn sống chung với nhau thời gian dài và đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh T trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Thị Hồng H.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh T có hai người con chung là cháu Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và cháu Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016. Hiện nay, cháu H1 và cháu G đang sống chung với chị H, chị H có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1, cháu G đến tuổi thành niên và cháu H1, cháu G có nguyện vọng được sống chung với chị H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và cháu Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H yêu cầu anh Tô Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, tại khoản 2 Điều 82 quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”; tại khoản 1 Điều 116 quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”; tại Điều 117 quy định “*Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần*”. Căn cứ vào quy định trên thì chị H là người đang trực tiếp nuôi các con chung tên Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016 nên chị H yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu là

phù hợp, có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung tên Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016, mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu cho đến khi cháu H1, cháu G tròn 18 tuổi.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, anh Tô Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thái Thị Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Thái Thị Hồng H là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Anh Tô Minh T có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con nên căn cứ vào điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 khoản 1 Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thái Thị Hồng H và anh Tô Minh T ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và cháu Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016 cho chị Thái Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Tô Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh

Tô Minh T không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Thái Thị Hồng H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tô Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung tên Tô Gia H1, sinh ngày 03/08/2012 và Tô Phương G, sinh ngày 22/12/2016, với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/01 cháu/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 31 tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu H1, cháu G tròn 18 tuổi. Chị Thái Thị Hồng H là người trực tiếp nuôi cháu H1, cháu G nên chị Thái Thị Hồng H là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu G.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thái Thị Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Thái Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010189 ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, chị Thái Thị Hồng H đã nộp xong án phí. Anh Tô Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ
(Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ
(Phòng GD, KT, TT & THA);
- UBND xã N, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn